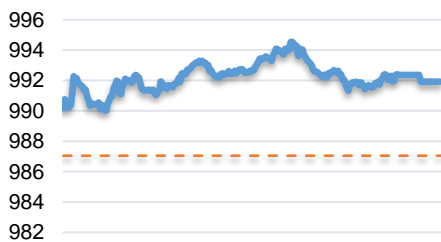


Diễn biến thị trường trong phiên

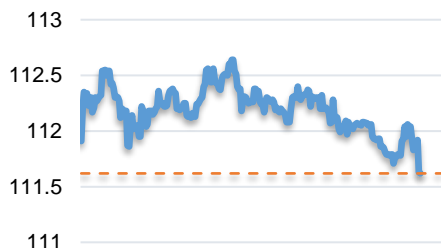
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	991.92	111.62	51.54
% ngày	0.49	(0.00)	(0.09)
% tuần	2.30	3.29	0.32
% tháng	6.03	5.59	3.14
% năm	28.55	8.75	(5.17)
GTGD (Tỷ đồng)			
Trong ngày	3,651.79	766.86	146.96
Hôm qua	3,201.63	472.01	168.31
TB 1 tháng	3,594.28	562.63	232.36
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	654.89	12.18	16.65
Bán	561.67	15.90	36.37
Giá trị ròng	93.22	(3.72)	(19.72)
Độ rộng TT			
Mã Tăng	142	87	82
Mã Giảm	137	74	64
Không Đổi	74	223	588
Chỉ số chính			
P/E	17.9x	10.4x	9.8x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,152	200	852
LS Cổ tức	1.84	2.46	4.05

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Sắc xanh trong phiên giao dịch đầu tuần đã phủ rộng ở toàn thị trường Châu Á khi có những thông tin tích cực đến từ cuộc chiến tranh Trung - Mỹ. Khi ngân hàng TW Trung Quốc đã đề ra cách quản lý đồng nhân dân tệ nhằm kìm hãm đà giảm và ổn định thị trường tiền tệ. Chính yếu tố này làm các chỉ số Shanghai tại thị trường Trung Quốc tăng mạnh trên 2%.

Theo xu hướng chung của thị trường toàn cầu, chỉ số VN-Index tăng 0.49% vượt qua mốc kháng cự 990 điểm và dừng lại ở mức 992 điểm, chỉ số HNX-Index và chỉ số Upcom-Index đóng cửa quanh mức tham chiếu lần lượt là 111.6 điểm và 51.4 điểm.

Trong phiên đầu tuần thì nhóm cổ phiếu dầu khí PVS, PVD, GAS...chịu áp lực bán mạnh nhất và hầu hết đều giảm điểm. Trong khi đó, nhóm ngân hàng VCB, BID, MBB...hay chứng khoán HCM, SSI, VND, VCI...vẫn giữ được đà tăng điểm khá tích cực. Ở nhóm Bluechips, SAB, BVH, MWG, MSN, PLX, HPG...tăng khá tốt giúp thị trường giữ vững sắc xanh tăng điểm, bất chấp áp lực chốt lời mạnh về cuối phiên.

CCQ E1VFN30 được khối ngoại mua ròng mạnh trong phiên hơn 60 tỷ đồng, ngoài ra nguồn vốn ngoại còn chảy vào các mã như VCB 27 tỷ, VJC 24 tỷ, PLX 20 tỷ, HPG 14 tỷ. Trên toàn thị trường trong phiên đầu tuần khởi đầu tích cực với việc các nhà đầu tư nước ngoài mua ròng gần 70 tỷ đồng trên toàn thị trường. Tuy nhiên vẫn có nhiều mã bị khối ngoại bán mạnh như VNM, VHM, BSR, GEX, VRE...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ còn xuất hiện nhịp rung lắc trong phiên giao dịch kế tiếp. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn đánh giá rủi ro ngắn hạn vẫn ở mức thấp, đặc biệt nếu chỉ số VN-Index tiếp tục duy trì đà tăng trong phiên kế tiếp thì dòng tiền sẽ có chiều hướng tăng mạnh hơn. Đồng thời, dòng tiền vẫn duy trì xu hướng tăng ngắn hạn và tỷ trọng cổ phiếu đã tăng vọt trên mức 60% cho thấy cơ hội giải ngân mới tiếp tục tăng dần. Điểm tích cực chúng tôi nhận thấy là mức độ phân hóa đã giảm dần cho thấy dòng tiền đã lan tỏa hơn giữa các nhóm cổ phiếu.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số và nâng mức cắt lỗ của hệ thống lên mức 963.69 điểm của chỉ số VN-Index và 107.20 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và mở vị thế mua mới.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 61% cổ phiếu/39% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	112.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.00	TĂNG	GIẢM	17.15	16.17	-0.87%			19.63		
ACB	38.80	TĂNG	GIẢM	35.60	36.22	8.99%			41.80		
ACV	85.00	GIẢM	GIẢM		88.21				95.72		
BFC	26.80	TĂNG	GIẢM	27.00	25.15	-0.74%			28.97		
BHN	81.60	GIẢM	GIẢM		86.79				107.32		
BID	34.00	TĂNG	TĂNG	25.80	30.37	31.78%		33.40	31.14	1.80%	MUA
BMP	53.30	GIẢM	GIẢM		55.43				62.64		
BSR	16.80	GIẢM	GIẢM		18.13				19.99		
BVH	90.90	TĂNG	GIẢM	78.00	83.77	16.54%			91.06		
BWE	18.55	TĂNG	GIẢM	17.70	17.44	4.80%			19.20		
CEO	13.80	TĂNG	GIẢM	13.40	12.73	2.99%			15.95		
CHP	23.00	GIẢM	TĂNG		23.45			23.50	22.03	-2.13%	
CSM	14.30	TĂNG	TĂNG	14.25	13.65	0.35%		14.39	12.77	-0.63%	
CTD	161.80	TĂNG	TĂNG	149.50	149.95	8.23%		161.20	128.54	0.37%	
CTG	27.15	TĂNG	GIẢM	24.00	24.55	13.13%			28.07		
CTI	30.80	TĂNG	GIẢM	30.50	28.94	0.98%			33.12		
CVT	26.50	TĂNG	GIẢM	25.85	24.60	2.51%			29.58		
DCM	10.30	TĂNG	GIẢM	11.05	10.00	-6.79%			10.69		
DGW	26.00	TĂNG	GIẢM	23.90	23.90	8.79%			26.51		
DHA	26.70	GIẢM	GIẢM		28.43				28.49		
DHC	38.00	GIẢM	GIẢM		40.34				43.99		
DHG	93.80	GIẢM	GIẢM		99.81			114.49	95.93	-16.21%	
DPG	49.40	TĂNG	GIẢM	40.90	41.35	20.78%			50.13		
DPM	17.50	TĂNG	GIẢM	17.70	17.44	-1.13%			18.72		
DPR	36.90	TĂNG	GIẢM	37.50	36.08	-1.60%			39.04		
DQC	29.55	TĂNG	GIẢM	29.55	29.44	0.00%	MUA		31.92		
DRC	27.50	TĂNG	TĂNG	25.85	25.31	6.38%		24.30	19.87	13.17%	
DXG	27.80	TĂNG	GIẢM	23.75	26.25	17.05%			29.38		
ELC	8.90	GIẢM	GIẢM		9.18				10.91		
FCN	17.00	TĂNG	TĂNG	16.25	15.58	4.62%		17.70	13.88	-3.95%	
FIT	4.08	GIẢM	GIẢM		4.28				5.18		
FMC	23.50	TĂNG	GIẢM	21.20	22.29	10.85%			23.95		
FPT	44.40	TĂNG	GIẢM	42.90	42.76	3.50%			45.46		
GAS	100.10	TĂNG	GIẢM	101.50	92.43	-1.38%			103.15		
GEX	29.90	TĂNG	TĂNG	30.60	28.65	-2.29%		30.10	24.67	-0.66%	
GIL	49.40	TĂNG	TĂNG	41.65	45.31	18.61%		34.90	41.22	41.55%	
GMD	27.00	TĂNG	GIẢM	25.40	25.29	6.30%			28.65		
GTN	11.40	GIẢM	TĂNG		11.71			11.20	9.83	1.79%	

We Create Fortune

HAG	6.80	GIẢM	TĂNG		7.57			6.19	5.86	9.85%	
HAX	15.85	GIẢM	GIẢM		16.04				18.67		
HBC	22.90	TĂNG	GIẢM	22.95	21.67	-0.22%			27.24		
HDB	36.00	GIẢM	GIẢM		37.30				42.35		
HNG	15.95	GIẢM	TĂNG		16.26			8.20	14.10	94.51%	
HPG	39.00	TĂNG	GIẢM	37.20	36.56	4.84%			42.50		
HSG	11.00	GIẢM	GIẢM		11.17				13.38		
HT1	13.20	TĂNG	TĂNG	11.75	12.12	12.34%			12.91		
HUT	5.40	GIẢM	GIẢM		5.48				6.72		
HVN	38.90	TĂNG	TĂNG	33.00	37.12	17.88%		39.20	30.48	-0.77%	
ITD	11.60	GIẢM	TĂNG		12.09			12.40	11.14	-6.45%	
KBC	12.45	TĂNG	GIẢM	12.10	11.93	2.89%			13.24		
KDH	30.30	TĂNG	GIẢM	30.30	30.14	0.00%	MUA		33.03		
KSB	29.50	GIẢM	GIẢM		30.13				33.01		
LCG	9.20	TĂNG	GIẢM	9.46	8.62	-2.75%			10.06		
LDG	14.60	TĂNG	GIẢM	15.00	13.47	-2.67%			15.06		
LIX	40.50	GIẢM	GIẢM		41.35				44.18		
LPB	9.40	GIẢM	GIẢM		10.00				11.99		
LSS	6.50	GIẢM	GIẢM		6.85				7.75		
MSN	91.20	TĂNG	TĂNG	79.10	87.48	15.30%		90.60	90.22	0.66%	MUA
MWG	123.40	TĂNG	TĂNG	112.00	115.97	10.18%		121.00	104.78	1.98%	
NKG	13.45	GIẢM	GIẢM		14.16				17.00		
NLG	30.25	TĂNG	GIẢM	29.80	28.97	1.51%			31.83		
NT2	26.40	GIẢM	GIẢM		27.01				28.69		
NTL	9.66	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-6.67%		10.45	8.94	-7.56%	
NTP	45.50	GIẢM	GIẢM		45.55				51.18		
PAC	39.55	TĂNG	GIẢM	40.20	38.31	-1.62%			42.18		
PC1	25.10	GIẢM	GIẢM		26.85				29.68		
PDR	26.05	TĂNG	GIẢM	26.60	25.05	-2.07%			29.12		
PGC	14.10	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-1.74%			15.68		
PHR	25.50	TĂNG	TĂNG	21.90	24.46	16.44%		24.00	20.43	6.25%	
PLX	68.80	TĂNG	TĂNG	60.50	62.71	13.72%		68.00	67.88	1.18%	MUA
PNJ	103.00	TĂNG	TĂNG	90.30	97.45	14.06%		103.90	102.31	-0.87%	MUA
POW	13.30	TĂNG	GIẢM	13.00	12.91	2.31%			13.91		
PPC	18.30	TĂNG	GIẢM	18.50	17.71	-1.08%			19.21		
PTB	60.50	TĂNG	TĂNG	60.00	56.24	0.83%		64.00	53.16	-5.47%	
PVD	15.20	GIẢM	TĂNG		15.67			16.35	11.75	-7.03%	
PVI	29.50	TĂNG	GIẢM	29.90	28.37	-1.34%			33.71		
PVS	20.60	TĂNG	TĂNG	17.00	18.87	21.18%		20.90	14.67	-1.44%	
PXS	6.10	GIẢM	TĂNG		6.15			6.19	4.57	-1.45%	
RAL	91.20	TĂNG	GIẢM	91.00	85.59	0.22%			102.96		
REE	36.40	TĂNG	TĂNG	36.40	34.48	0.00%		36.40	34.97	0.00%	MUA
SAB	219.00	TĂNG	GIẢM	208.00	203.39	5.29%			233.02		



We Create Fortune

SAM	7.11	TĂNG	GIẢM	7.16	6.73	-0.70%		7.59		
SBV	26.00	GIẢM	GIẢM		27.31			29.26		
SCR	9.48	TĂNG	GIẢM	9.35	8.98	1.39%		10.30		
SHI	6.21	GIẢM	TĂNG		6.31		6.99	5.88	-11.16%	
SJS	19.80	TĂNG	GIẢM	19.70	19.17	0.51%		21.87		
SKG	22.90	TĂNG	TĂNG	20.05	21.94	14.21%	23.10	21.27	-0.87%	MUA
SSI	30.85	TĂNG	GIẢM	29.55	29.12	4.40%		34.19		
STB	11.40	TĂNG	GIẢM	11.20	11.04	1.79%		12.71		
SVC	44.00	GIẢM	GIẢM		46.14			49.74		
TCB	26.50	TĂNG	TĂNG	28.50	25.99	-7.02%	18.40	4.60	44.02%	
TCM	21.70	TĂNG	TĂNG	17.80	20.69	21.91%	21.60	20.79	0.46%	MUA
TDH	11.55	GIẢM	GIẢM		11.68			13.15		
TLH	7.28	GIẢM	GIẢM		7.47			8.32		
TMT	7.13	GIẢM	GIẢM		7.45			7.28		
TNG	11.40	TĂNG	GIẢM	10.80	11.09	5.56%		11.90		
TYA	10.60	GIẢM	GIẢM		11.04			12.27		
VCB	63.20	TĂNG	GIẢM	57.50	59.68	9.91%		64.41		
VFG	37.20	GIẢM	TĂNG		38.63		34.39	33.47	8.16%	
VGC	17.90	TĂNG	GIẢM	17.90	17.74	0.00%	MUA	21.50		
VHM	111.40	TĂNG	N/A	111.90	107.63	-0.45%				
VIB	28.20	TĂNG	GIẢM	27.60	27.37	2.17%		30.67		
VIC	104.20	GIẢM	TĂNG		107.45		111.50	92.44	-6.55%	
VIP	6.89	TĂNG	GIẢM	6.95	6.88	-0.86%		7.29		
VJC	152.40	TĂNG	GIẢM	144.50	145.08	5.47%		154.12		
VNM	160.30	TĂNG	GIẢM	163.00	157.69	-1.66%		175.10		
VPB	25.30	GIẢM	GIẢM		26.85			33.19		
VRC	22.70	TĂNG	TĂNG	17.75	21.59	27.89%	19.35	17.99	17.31%	
VRE	40.45	GIẢM	GIẢM		41.47			44.98		
VSC	39.90	TĂNG	TĂNG	35.50	37.64	12.39%	35.30	34.14	13.03%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)		
	Điểm	Chg%
VNI	991.92	0.49
VN30	966.55	0.64
VN Mid	1,017.68	(0.10)
VN Small	818.84	0.47

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	654.89	
Bán	561.67	
GT rỗng	93.22	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DPG	3,050	6.6%
GIL	2,600	5.6%
HT1	600	4.8%
VNS	700	4.3%
CTG	1,100	4.2%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
LCG	(440)	-4.6%
HQC	(60)	-3.2%
LDG	(400)	-2.7%
DHG	(2,200)	-2.3%
SBT	(450)	-2.3%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	332,567	
VHM	298,777	
VNM	232,628	
VCB	227,019	
GAS	191,778	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
FLC	10.78	16.25
CTG	9.44	5.98
HAG	8.32	12.49
HQC	7.41	2.77
HSG	5.95	3.05

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)		
	Điểm	Chg%
HNI	111.62	(0.00)
HN30	200.63	0.31
VNX AllSh	1,387.09	0.40

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	12.18	
Bán	15.90	
GT rỗng	(3.72)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	2,200	5.5%
SHS	600	4.1%
VGC	600	3.5%
TV2	3,600	3.4%
SEB	500	1.4%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CEO	(1,500)	-9.8%
NVB	(200)	-2.4%
TNG	(200)	-1.7%
VCS	(1,500)	-1.7%
VIX	(100)	-1.3%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	42,078	
VCS	14,160	
SHB	10,227	
PVS	9,202	
VCG	8,172	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SHB	10.85	8.07
PVS	6.30	9.80
VGC	4.38	2.39
KLF	3.91	2.89
ACB	3.18	10.47

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%
UPCoM	51.54	(0.09)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	16.65	
Bán	36.37	
GT rỗng	(19.72)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SSN	2,300	16.0%
DVN	600	4.0%
VGT	200	2.1%
POW	200	1.5%
BSR	200	1.2%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MKP	(5,900)	-9.0%
IDC	(700)	-3.3%
MPC	(600)	-1.6%
LTG	(500)	-1.3%
MSR	(300)	-1.1%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	185,056	
MCH	54,894	
BSR	52,088	
HVN	48,612	
GVR	32,000	

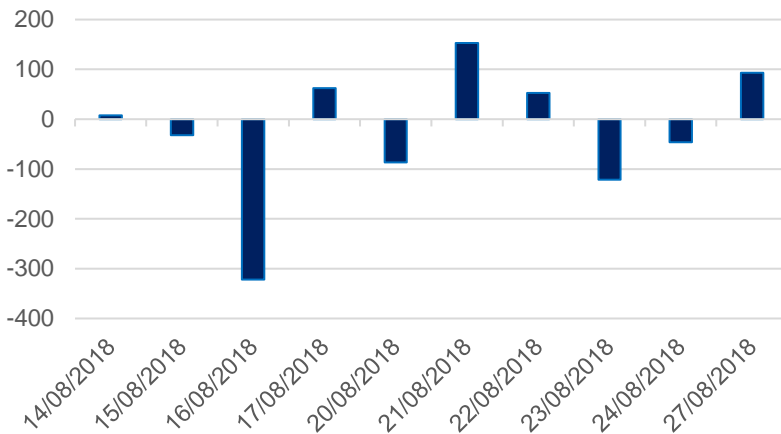
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SVH	7.98	0.27
BSR	2.01	1.73
POW	1.14	1.20
DLD	0.90	-
LPB	0.87	2.29

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

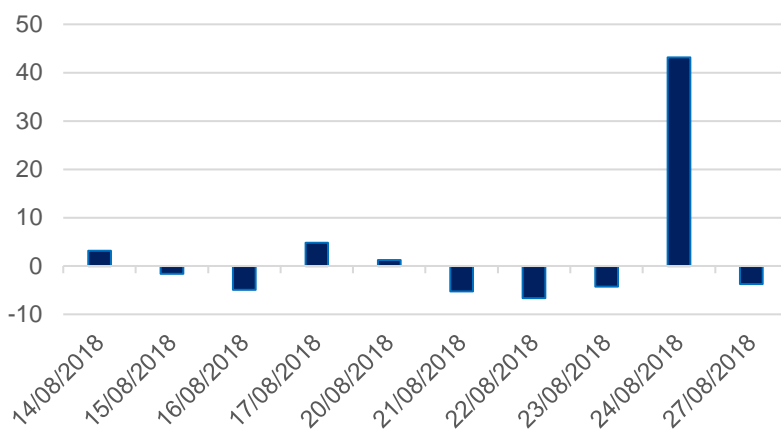
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
E1VFN30	60,327	VNM	(34,600)
VCB	26,789	VHM	(18,527)
VJC	23,875	GEX	(11,097)
PLX	19,779	VRE	(10,825)
HPG	14,016	DHG	(10,680)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

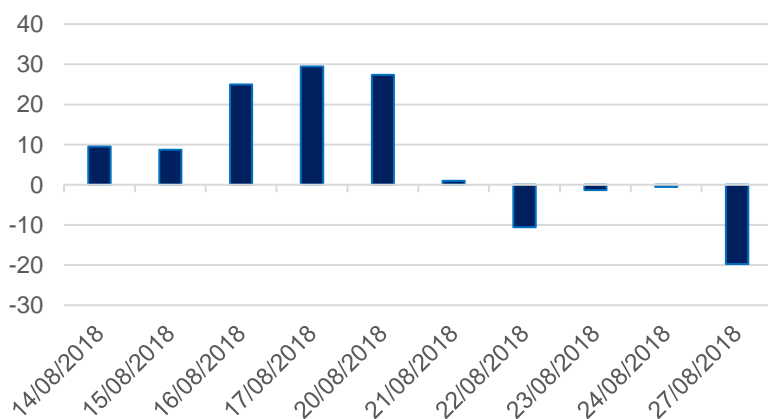
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
CEO	6,040	SHS	(9,350)
PVS	1,573	VGC	(3,467)
DGL	898	DNP	(321)
NTP	459	KVC	(150)
TNG	423	SRA	(127)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VEA	3,633	BSR	(13,650)
POW	3,298	OIL	(4,762)
QNS	1,267	VGT	(4,426)
ACV	178	HVN	(2,342)
DHD	163	LTG	(2,248)

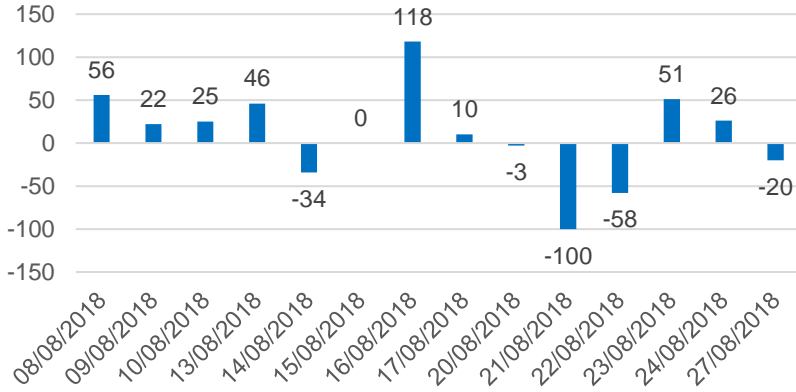
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

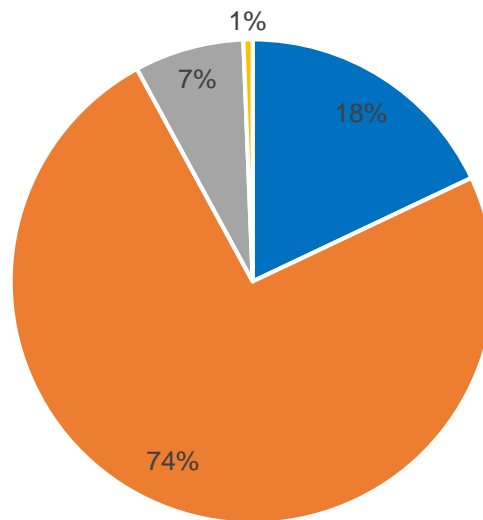


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VND)
CII	11,866	E1VFN30	60,364
VIC	10,568	HPG	19,705
VPB	8,641	VIC	14,967
MWG	6,390	VIC	13,505
VIC	6,307	VSC	4,855

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



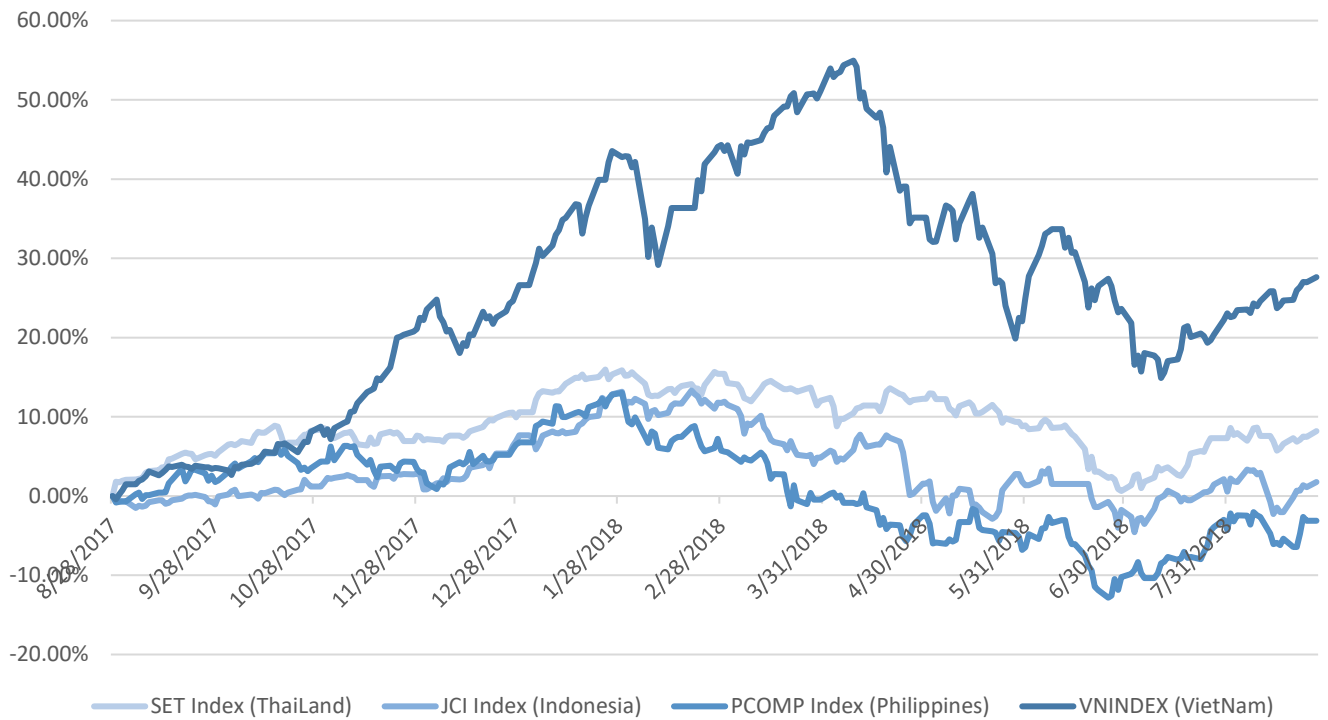
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

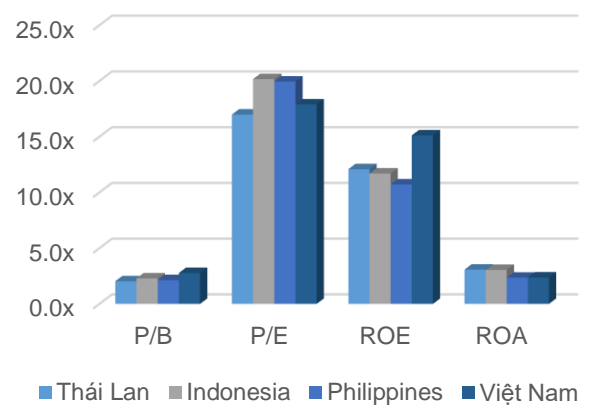
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.3x	2.1x	2.8x
P/E		17.0x	20.2x	19.9x	17.9x
ROE	%	12.09	11.70	10.72	15.12
ROA	%	3.08	3.05	2.36	2.38
Vốn hóa	Tỷ USD	527.21	462.04	181.72	135.33
GTGD	Triệu USD	0.90	0.33	0.09	0.16
LS cổ tức	%	3.05	2.26	1.52	1.84

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written